

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/ HNGĐ-ST
Ngày: 01 tháng 10 năm 2018
V/v “Yêu cầu ly hôn, tranh chấp
về nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huy

Các Hội thẩm nhân dân: Chị Nguyễn Thị Mỹ và ông RChâm Dương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 76/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2018 về việc “Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1977 (tên gọi khác: Nguyễn Thị N, sinh năm 1978);

Địa chỉ: Thôn C, xã Y, huyện I, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Gia T, sinh năm 1974 (tên gọi khác: Lê Văn T);

Địa chỉ: Thôn C, xã Y, huyện I, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 4 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Lê Gia T có tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 16/9/1998 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện I, tỉnh Gia Lai. Tại Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu gia đình lại ghi tên chị là Nguyễn Thị L, sinh năm 1977 và chồng là Lê Gia T. Tuy nhiên, trong giấy đăng ký kết hôn và giấy khai sinh của các con ghi tên chị là Nguyễn Thị N, sinh năm 1978, ghi tên chồng là Lê Văn T. Việc sai sót này đã được Công an xã Y (được tách ra từ xã S) xác nhận là cùng một người.

Mâu thuẫn vợ chồng trong quá trình chung sống, anh Lê Gia T thường xuyên đi ngoại tình, về nhà gây gỗ đánh đập chị. Mâu thuẫn vợ chồng đã diễn ra kéo dài trong thời gian 23 năm. Thời gian gần đây, anh Lê Gia T có quan hệ với người phụ nữ khác ở bên ngoài, khi về nhà thì đánh đập và chửi mắng, xúc

phạm chi và gia đình của chị. Chị và anh T sống ly thân từ ngày 10/4/2018 cho đến nay. Chị Nguyễn Thị L yêu cầu ly hôn với anh Lê Gia T.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Lê Gia T có 03 người con, là cháu Lê Thị H, sinh ngày 18/9/1995; cháu Lê Thái S, sinh ngày 19/9/2000 và cháu Lê Thị Ánh T1, sinh ngày 14/7/2002. Đối với cháu Lê Thị H đã lập gia đình và ở riêng, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Lê Thái S và cháu Lê Thị Ánh T1 chưa đủ 18 tuổi, hiện nay đang ở cùng với chị. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi và anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu S và cháu T1 với số tiền là 2.000.000 đồng/tháng/cháu.

Nghề nghiệp của chị là làm nông, thu nhập từ trồng cà phê và nấu rượu, khoảng 8.000.000 đồng/tháng, đảm bảo khả năng trực tiếp nuôi con. Nghề nghiệp của anh T là thợ xây, thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị L thay đổi yêu cầu khởi kiện: Vì cháu Lê Thái S đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; yêu cầu giao cháu Lê Thị Ánh T1 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và chi phí thực tế nuôi cháu T1 bao gồm chi phí ăn học, đi lại mỗi tháng 3.000.000đ nên yêu cầu cấp dưỡng cho cháu T1 1.500.000đ/tháng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: chị Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn: Trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho anh Lê Gia T nhưng vắng mặt và không có ý kiến gì.

Ý kiến của cháu Lê Thị Ánh T1 muốn được chung sống với chị Nguyễn Thị L.

Theo kết quả xác minh tại nơi gia đình chị Nguyễn Thị L và anh Lê Gia T đang cư trú: Khoảng năm 2015, 2016, giữa chị L và anh T có xảy ra đánh nhau, cãi vã; chị L đã nộp đơn lên ban hòa giải của thôn, được hòa giải và về chung sống với nhau và anh T có nghề nghiệp là thợ xây.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, nguyên đơn đảm bảo, bị đơn chưa chấp hành đúng. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Lê Gia T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2] Giữa các giấy tờ về nhân thân, hộ tịch của chị Nguyễn Thị L và anh Lê Gia T có sự sai lệch, tuy nhiên căn cứ vào nội dung thể hiện trong những giấy tờ này và việc xác nhận của Công an xã Y, có đủ căn cứ xác định người

có tên Nguyễn Thị N, sinh năm 1978 và Nguyễn Thị L, sinh năm 1977; người có tên Lê Văn T và Lê Gia T, là cùng một người.

[3] Chị Nguyễn Thị L và anh Lê Gia T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị L: Quan hệ hôn nhân được xác lập trên cơ sở tự nguyện; vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, bình đẳng, có quyền và nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt, có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Chị L yêu cầu được ly hôn, anh T đã được thông báo, tổng đạt đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ và các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không có ý kiến phản đối. Căn cứ vào kết quả xác minh mâu thuẫn vợ chồng tại nơi cư trú và lời trình bày của chị L, có căn cứ xác định trong quan hệ hôn nhân đã phát sinh mâu thuẫn kéo dài, đã được hòa giải nhưng không được, có hành vi bạo lực gia đình, không còn chung sống, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được nữa nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Cháu T1 hiện đang sống cùng với chị L và có ý kiến được ở với chị L. Anh T không có ý kiến phản đối và chị L có đủ điều kiện để đảm bảo việc trực tiếp nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cháu Lê Thị Ánh T1 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh T là người không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T1 theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Xét mức cấp dưỡng mà chị L yêu cầu, việc anh T không có ý kiến phản đối, cùng với mức chi phí thực tế để nuôi con, khả năng thu nhập của anh T nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, buộc anh Lê Gia T cấp dưỡng nuôi cháu T1 với số tiền là 1.500.000 đồng/tháng.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Lê Gia T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14;

- Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Lê Gia T.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Giao con chung là Lê Thị Ánh T1, sinh ngày 14/7/2002, cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Lê Gia T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Lê Thị Ánh T1, sinh ngày 14/7/2002, mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm đồng)/tháng. Thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tính từ ngày 01 tháng 10 năm 2018 đến khi cháu Lê Thị Ánh T1 thành niên hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Chị Nguyễn Thị L là người được nhận tiền cấp dưỡng.

Anh Lê Gia T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con không trực tiếp nuôi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0004751 ngày 09/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai. Anh Lê Gia T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THA dân sự huyện Ia Grai;
- UBND xã Ia Yok;
- Dương sự;
- Lưu HSVA, Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(*đã ký tên và đóng dấu*)

Nguyễn Văn Huy